CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/PHẠM – ASSET/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận FSSC 22000: 38161412002, ngày cấp: 06/02/2024, nơi cấp: I ntertek Certification Limited.

M.S.D.N:0302771 CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSE P.BÌNH TÂN - TP.HỒ C

Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm : **ĐẬU RÒN RÒN VỊ NƯỚC CỐT DỪA**
2. Thành phần: Đậu phộng 40%, chất ổn định (1451, 1412, 451(i)), bột mì, dầu cọ, đường, xirô maltose, tinh bột sắn, bột gạo, tinh bột bắp, bột nếp, gia vị nước cốt dừa 2% (đường, maltodextrin, bột kem không sữa, muối, bột whey, chất chống đông vón (551), hương liệu tổng hợp (dừa), chất điều vị (951), chất điều chỉnh độ acid (330)), chất tạo xốp (500(ii)), muối i-ốt, nước cốt dừa 0.5%.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:
   - 09 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói.
   - 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng lon
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Đậu phộng được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP hoặc thùng giấy.

- Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 8g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 20g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g,36g, 37g, 38g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 160g, 200g, 250g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.

- Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.

- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức: Công Ty TNHH Phạm – Asset Mekong

Địa chỉ: Lô F-2-1, Góc đường N4 và đường D6, Khu công nghiệp Hựu Thạnh, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-027) 622 000 17

(Mã trên bao bì: E, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

II. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm nhãn sản phẩm (Theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng).

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (áp dụng cho đậu phộng, lúa mì, ngũ cốc và gia vị)

- Tiêu chuẩn giới hạn ô nhiễm sinh học theo tiêu chuẩn cơ sở.

- Thông tư 24/2019/TT-BYT và Thông tư 17/2023/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).

M.S.D.N: 0302772009
CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
P. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

Giám Đốc
Phạm Xuân Dũng

Sealing 10 mm

Thành phần:
Đậu phộng 40%, chất ổn định (1451, 1412, 451(i)), bột mì, dầu cọ, đường, siro maltose, tinh bột sắn, bột gạo, tinh bột bắp, bột nếp, gia vị nước cốt dừa 2% (đường, maltodextrin, bột kem không sữa, muối, bột whey, chất chống đông vón (551), hương liệu tổng hợp (dừa), chất điều vị (951), chất điều chỉnh độ acid (330)), chất tạo xốp (500(ii)), muối i-ốt, nước cốt dừa 0,5%.

Hướng dẫn sử dụng:
Thưởng thức ngay sau khi mở gói, tiếp xúc lâu với không khí sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và nơi ẩm ướt.

Thông tin cảnh báo:
Không sử dụng khi sản phẩm hết hạn.
Không dùng cho người dị ứng với các thành phần sản phẩm.
Nhai kỹ trước khi nuốt. Lưu ý khi cho trẻ em dưới 3 tuổi sử dụng, có thể bị hóc khi sử dụng sản phẩm.
Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy có xử lý các nguyên liệu như đậu phộng, hạt cây, sữa, đậu nành, lúa mì và mè.

Xuất xứ: Việt Nam.
Origin: Vietnam.

Sản phẩm của Công ty Liên Doanh Phạm - Asset.
Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Product of Pham - Asset Joint Venture Company.
Lot D4/1, 1B Street, Vinh Loc Industrial Park, Binh Tan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: (028) 37653286 - 37653285 - 37653284
Fax: (84.28) 54263458 - 37653258
Email: jojo@pham-asset.com
Website: www.pham-asset.com

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*)

Thành phần dinh dưỡng	Trên/per 100g
Năng lượng/ Energy	518 kcal
Chất đạm/ Protein	14.3 g
Carbohydrate/ Carbohydrate	54.7 g
Đường tổng số/ Total sugars	17.8 g
Tổng chất béo/ Total Fat	26.7 g
Chất béo bão hòa/ Saturated fat	6.14 g
Hàm lượng Natri/ Sodium	397 mg

(*) Thông tin dinh dưỡng dao động ± 20% mức công bố

Ingredients:
Peanuts 40%, stabilizers (1451, 1412, 451(i)), wheat flour, palm oil, sugar, maltose syrup, tapioca starch, rice flour, corn starch, glutinous rice flour, coconut milk seasoning 2% (sugar, maltodextrin, non-dairy creamer powder, salt, whey powder, anticaking agent (551), artificial flavour (coconut), flavour enhancer (951), acidity regulator (330)), baking powder (500(ii)), iodized salt, coconut milk 0.5%.

Directions for use:
Consume shortly after opening.
Prolonged exposure to air may affect product quality.

Directions for storage:
Store in a cool, dry place. Avoid direct sunlight and high humidity.

Caution:
Do not consume after the expiration date.
Not suitable for individuals allergic to any of the listed ingredients.
Chew thoroughly before swallowing. Not recommended for children under 3 years old due to choking hazard.
This product is manufactured in a facility that also processes peanuts, tree nuts, milk, soy, wheat and sesame.

NSX/MFG date:
HSD/EXP date:
Khối lượng tịnh/NW:

Product of Vietnam

8 936006 344423

Sealing 10 mm

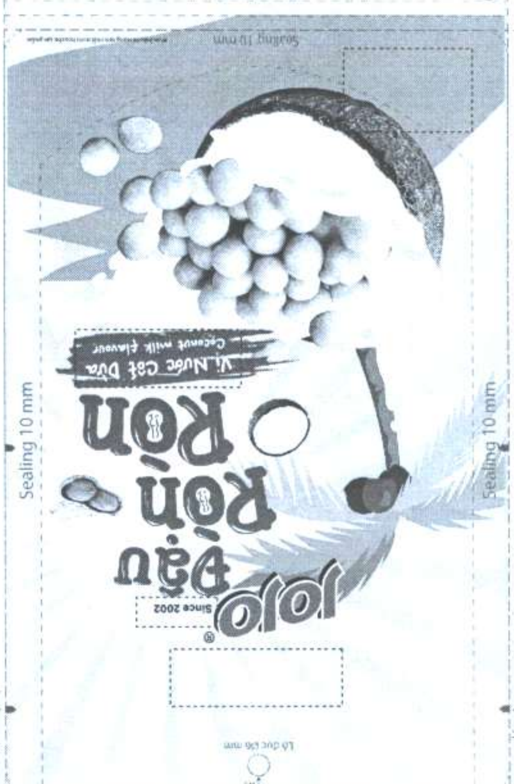

CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
M.S.D.N: 0302771009
P. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : LX2R2512180653-CB

Mã số mẫu : 743-2025-00254587

Mã số EoI : 005-32410-627696
Tên mẫu : Đậu ròn ròn vị nước cốt dừa
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu : 18/12/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 03/01/2026
Thời gian thử nghiệm : 19/12/2025 - 03/01/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) *Clostridium perfringens*	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD398 VD (a) *Bacillus cereus*	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD4M6 VD (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010; ISO 21527-2:2008	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	4.66
9	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	26.1
10	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	15.1
11	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	13.7
12	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Phát hiện vết(<0.5)
14	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
15	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	1.02
16	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	12.5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00254587

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VDERJ VD (m) **Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)**	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	**49.5**
18	VD9T0 VD (m) **Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)**	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	**503**
19	VD210 VD (a) **Độ ẩm**	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	**2.15**
20	VD297 VD (a) **Tro tổng**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	**2.53**
21	VD855 VD (a) **Cadimi (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Phát hiện vết(<0.03)**
22	VD861 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.017)**
23	VD063 VD (a) **Ochratoxin A**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
24	VD066 VD (a) **Zearalenon**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	**Không phát hiện (LOD=5)**
25	VD821 VD (a) **Aflatoxin B1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
26	VD821 VD (a) **Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
27	VDSZT VD (a) **Chất béo bão hoà**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	**5.92**
28	VD1LA VD (a) **Deoxynivalenol**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5626 (2019) (Tham khảo EN 15791:2009)	**Không phát hiện (LOD=100)**
29	VD6ZP VD (a) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	**510**

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực..2.0.1.3.6. quyển số 0.2.....-SCT/BS
Ngày: 14-09-2026

M.S.D.N: 0311526885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG BÌNH TÂN
Nguyễn Thị Thanh Trúc

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/03/2026 và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/03/2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

eurofins | Sac Ky Hai Dang

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bảng thành phần dinh dưỡng (Thị trường Việt Nam)/ Nutrition Label (Vietnamese market)
Mã số mẫu / Sample code Nr .: 743-2025-00254587
Mã số kết quả / Analytical Report Nr. : AR-26-VD-001801-01 / EUVNHC-00391774

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	**503**	**kcal**	**25%**
Chất đạm	**15.1**	**g**	**30%**
Carbohydrat	**49.5**	**g**	**15%**
Đường tổng số	**13.7**	**g**	
Chất béo	**26.1**	**g**	**47%**
Chất béo bão hòa	**5.92**	**g**	**30%**
Natri	**510**	**mg**	**26%**
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample.The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.